



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV.# 258.870

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN BA' THU'
Last Middle First
- Current Address: 46 Trần Thị Kỳ², Thành Phố 'Qui Nhơn
- Date of Birth: 8/7/1938 Place of Birth: Bình Định
- Previous Occupation (before 1975) Second Lieutenant
(Rank & Position) Wife: U.S. Employee (MP Detachment)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/1/78 To 8/01/76
8/15/82 2/15/86
Years: 5 years Months: 4 Days: _____
4 years
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name _____
Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Nguyen, Cam Mau</u>	<u>Friend</u>
<u>Le Van Ba</u>	<u>Friend</u>
<u>Land Investment Specialist</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category 1 of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Bá Thúc
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trương Thị Minh Huệ	8/18/1945	Wife
Nguyễn Quốc Trung	4/20/1965	Son
Nguyễn Thị Thủy Linh	5/09/1968	Daughter
Nguyễn Thị Mỹ Linh	3/30/1969	Daughter
Nguyễn Thị Kiều Loan	3/19/1970	Daughter
Nguyễn Quốc Hùng	8/15/1971	Son
Nguyễn Thị Hồng Vân	12/15/1972	Daughter
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	12/30/1973	Daughter
Nguyễn Thị Hồng Phúc	11/23/76	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Date 10-6-97
From: NGUYỄN BÁ THƯ
VỢ TRƯỞNG THỊ MINH HUỆ

ĐƠN XIN CỨU XÉT
Con trên 21 tuổi theo "McCain Amendment"
To: Honorable Director Dewy Pendergrass
Orderly Departure Program
Box 58 American Embassy APO 96546.

Tel
IV: 258-870
File: RF1-1163
Interview June-15-1995

Theo "McCain Amendment" con các em từ chính trị trên 21 tuổi đã bị từ chối khi gia đình được gọi phỏng vấn sau ngày 01/4/95 nay được cứu xét cho gọi phỏng vấn để được đoàn tụ với gia đình đã được định cư ở Mỹ.

Chúng tôi đã gửi đơn xin (Fax) ngày 10/12/96; nhưng đến 6/4/97 đã nhận được giấy của Tòa Đại Sứ Mỹ ở Bangkok Thailand từ chối với lý do: "Người đứng đơn chính thuộc diện tị nạn nhưng không đủ điều kiện theo "McCain Amendment".

1) Tôi NGUYỄN BÁ THƯ là cha của các con (đính kèm Joint Voluntary Agency" Nguyên là giáo viên và Sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng hòa từ 1959 đến 1975 đã học tập cải tạo (ở tù 2 lần)

Lần 1.- 1 năm 4 tháng tại Ty Công an Nghĩa Bình.

Lần 2.- 4 năm tại K 18 (Trại tù Kim Sơn Nghĩa Bình.

2) Vợ tôi là TRƯƠNG THỊ MINH HUỆ Mẹ của các con (đính kèm Joint Voluntary Agency) Nguyên làm thủ ký Sở Mỹ: 18th Military Police Brigade APO 96238 tại Quỳnh Hòa, Bình Định, 177th Military Police Detachment 5 năm 6 tháng.

Giết 3 người buộc phải nghỉ dạy học (giáo viên chế độ cũ) về địa phương chịu sự quản lý chắc chắn của chính quyền CS. Kể từ ngày thời việc (Quyết định thời việc do ở Nguyễn Trọng Chủ tịch UBND thành phố Quỳnh Hòa ký ngày 26/10/87 - Đính kèm)

3) Gia đình chúng tôi đã được Tòa Đại Sứ Mỹ ở Bangkok Thailand cấp Lỗi ngày 15/6/94 cho định cư ở Mỹ trên 10 người (đính kèm) Nếu nhà cầm quyền Hà Nội cấp Lỗi chiếu và lên danh sách phỏng vấn sớm hơn thì có thể gia đình tôi đã phỏng vấn trước ngày 1/4/95 và đã được đi tron ven.

Với 3 điều chứng minh trên tôi nghĩ rằng các con tôi đã có đủ điều kiện đi theo "McCain Amendment" mặc dù vợ tôi (TRƯƠNG THỊ MINH HUỆ) đứng đơn chính, vì cha chúng nó (NGUYỄN BÁ THƯ) đã ở tù hơn 5 năm. Mẹ bị người dân, bả hại, đàn áp, theo dõi quản lý đặc biệt. Xương máu của Ông Bà và Bác các cháu đã đổ xuống vì bàn tay bạo tàn của chế độ CS.

Kính thưa Tòa Đại Sứ Mỹ, kính thưa Quốc hội Hoa Kỳ.

Kính thưa Sở Di trú Hoa Kỳ, kính thưa các cấp...

Biết nỗi lắm đau cho hết nỗi đau lòng của thảm cảnh binh ly trong tình phụ tử và Mẫu tử khi các con tôi còn kẹt lại ở Việt Nam đến 7 đứa. Hai đứa đã lập gia đình sau ngày phỏng vấn 15/6/95 (5 đứa hiện còn đơn thân đã có hộ chiếu 3 đứa) 4 gái 1 trai đang ngày đang trông chờ vào lòng nhân đạo của chính phủ Hoa Kỳ để được đoàn tụ với cha mẹ và em hiện đang sống ở Mỹ; mà người cha (tôi) hiện đang mắc bệnh tiểu đường rất nặng.

Chúng tôi trân trọng gửi lên Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, quý cấp... cứu xét thế nào cho 5 con tôi hiện còn độc thân sớm có Lỗi và được gọi phỏng vấn trước thời hạn 30/9/97.

Chúng tôi chân thành gửi lên Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ cùng quý cấp lòng tri ơn sâu xa nhất của chúng tôi; Đồng thời chúng tôi cũng đặt hết niềm tin và lòng hy vọng được đoàn tụ với các con tôi trên đất nước Hoa Kỳ 1 ngày không xa lắm.

Trân trọng kính chào,
Người viết đơn ký tên.

* Địa chỉ các con tôi ở Việt Nam:

411 Lối Cù xã Thanh Đa
Phường 27 Quận Bình Thạnh
TP/Hồ Chí Minh
Phone: 899-8792

NGUYỄN BÁ THƯ

NGUYỄN BÁ THƯ

From: NGUYỄN BÁ THU'

1/9 Hội gia đình tù nhân chính trị VN

Phone:

Sau 3 lần điện thoại đều gặp Bà Khúc Minh Thu'
Hội trưởng, Gia đình chúng tôi xin đa tạ và vô cùng
biết ơn về sự làm việc tận tâm của Bà.

Vì trường hợp đặc biệt của gia đình tôi:

Đã có lời cấp ngày 16/6/1994 cho đi tất cả 10 người

Vì phòng vẫn ngày 15/6/1995 chỉ cho đi có 3 người

con trên 21 tuổi đều kẹt lại VN.

đến 7 đứa.

Tôi Xin gửi toàn Bộ Hồ Sơ, Xin Bà và Hội tùy nghi xem xét can thiệp thế nào
cho cái con tôi được cấp Lối và gọi phòng vẫn trước ngày 30/9/97

Xin Chân thành biết ơn Bà Giám đốc và quý Hội.

Trân trọng



NGUYỄN BÁ THU'

* Vở là nhân viên ở Mỹ

Children's names:

Update 14 June 97



- 1) Nguyễn Thị Thùy Linh (Đob: 09-05-68)
- 2) Nguyễn Thị Kiên Loan (Đob: 19-03-70)
- 3) Nguyễn Quốc Cường (Đob: 15-08-71)
- 4) Nguyễn Thị Hồng Vân (Đob: 15-12-72)
- 5) Nguyễn Quốc Trung (Đob: 20-04-65)
- 6) Nguyễn Thị Hồng Hạnh (Đob: 30-12-73)
- 7) Nguyễn Thị Mỹ Linh (Đob: 03-03-69)

* Thư từ chối 3 Mar 97

"The PA was approved as a refugee under a category not covered by the Amendment"

Update: Phone July 18.

- Vở là PA, nhưng đi theo diện Refugee
- Ô Thư, ở quan & cai tạo < 3 năm. Sản To với bên bị bắt. Thời gian từ 2 lần > 5 năm

R
JOL

JOINT VOLUNTARY AGENCY

U.S. ORDERLY DEPARTURE PROGRAM, AMERICAN EMBASSY

9th FLOOR PANJABHUM BUILDING 1, 127 SATHORN TAI ROAD, BANGKOK 10120, TEL (662) 205-4000 EXT. ODP, FAX: (662) 287-2337

Date/Ngày: - 3 MAR 1997

File Number/Số hồ sơ: RF1-1163/IV-258870

The recently-enacted "McCain Amendment" to the Foreign Operations Appropriations Act for Fiscal Year 1997 provides that the children of former Vietnamese reeducation center detainees are to be considered refugees of special humanitarian concern and may be eligible for resettlement in the US if they meet the following criteria:

1. They are the son or daughter of a national of Vietnam who:
 - a) was formerly interned in reeducation in Vietnam by the government of the Socialist Republic of Vietnam; AND
 - b) has been accepted for resettlement in the US as a refugee under the Orderly Departure Program (ODP) on or after April 1, 1995;
2. They are 21 years of age or older; AND
3. They were unmarried as of the date of their parent's approval for resettlement in the US under ODP.

ODP has reviewed your application and determined that you do not qualify for refugee consideration under the McCain Amendment for the reason(s) indicated below:

- ☐ The principal applicant was approved for refugee status prior to April 1, 1995. His family members are therefore not covered under the terms of the Amendment.
- ☐ The principal applicant was approved as an immigrant, not as a refugee. His family members are therefore not covered under the terms of the Amendment.
- ☐ The principal applicant withdrew his refugee application. He and his family members are therefore no longer eligible for refugee consideration and are not covered under the terms of the Amendment.
- ☐ The principal applicant's children were married at the time of the principal applicant's approval for resettlement in the US. They are therefore not covered under the terms of the Amendment.
- ☒ The principal applicant was approved as a refugee under a category not covered by the Amendment.
- ☐ The principal applicant's children were denied at interview as their relationship to the principal applicant was not established. They are therefore not covered under the terms of the Amendment.
- ☐ The principal applicant's children were denied at interview because they were not resident in the principal applicant's household. They are therefore not covered under the terms of the Amendment.
- ☐ Other: _____

(2)

V-111,730 Nguyen Thi Ngoc Hanh dob: 2-14-64 <i>N/A</i>	G216 AP4 Thi Tran Long Phu Huyen Long Phu Soc Trang <i>NK1</i>	Nguyen Ngoc Da arvd USA Oct.23, 1995
V-112,000/IV 361054 Vo Van Quy dob: 3-17-64 <i>DEAD/NTA</i>	28 Khu Vuc 2 Phuong Hung Phu, Can Tho	Vo Phung Thuong ODP interview Apr. 26, 1995
V-112,011/TV 363136 Doan Tai Anh 4-12-70 Doan Kim Phung 6-18-71 Doan Tai Anh 9-26-73	385/157 Nguyen Cong Tru Phuong Cau. Ong. Lanh. Quan 1, HCMC <i>NK1</i>	Doan De Van ODP interview Apr. 20, 1995
V-112,009/IV 44239 Cao Kim Cuc 12-16-52 Cao Thien Van 5/20/79	65/42 Huynh Van Binh, P.17, Q. Phu Thuan HCMC <i>TUN/CAT</i>	Cao Minh Duc ODP interview Apr 15 1995
V-112,038/377744 Phan Ngoc Nhan 11-15-61 Phan Tai Ngoc Van 1-16-64	Ap.5, Xa Duc Hoa Dong Huyen Duc Hoa Ting Long An <i>M73 NOT ELIGIBLE</i>	Tran Thi Lai arvd USA 11-13-95 <i>NTA</i>
V-112,378 Pham Le Phong 1973 Pham Le Thuong 1976	2346 Phan The Hien Phuong 6 Quan 8, Thanh Pho HCMC <i>N/A NK1</i>	Pham Van Phu
V-113,186/258870 Nguyen Thi thuy Linh May 9-68 Nguyen Thi Kieu Loan Mar. 19, 1970 Nguyen Quoc Hung Aug. 15, 1971 Nguyen Thi Hong Van Dec. 15, 19172 Nguyen Thi Hong Hnah Dec. 30, 1973	411 Lo 9, Cu Xa Thanh Da Phuong 27, Quan Binh Thanh HCMC <i>U11 NOT ELIGIBLE NTA</i>	Truong Thi Minh Hue ODP interview June 15, 1995
V-113,026 Mai Thanh Truc diem 1-1-74	109 F 13/18 Ben Van Don F9 Q4 TP HCMC <i>TUN/CAT</i>	Mai Van Tung arvd USA Dec. 5 1995

IV 378220

Date: April 24, 1997

From: *Nguyen Ba Thu &
Truong Thi Minh Hue*

File No: RF1-1163/IV-258870

To: Honorable Director Dewey Pendergrass
Orderly Departure Program
Box 58 American Embassy, APO 96546

Re: Letter of Reconsideration

Dear Sir:

I would like to take this opportunity to thank you and your staff for your time and consideration in this request.

In response to the letter dated March 3, 1997 from the *Joint Voluntary Agency*, I would first like to state that I strongly disagree with the decision of the ODP staff that indicated, "*The principal applicant was approved as a refugee under a category not covered by the Amendment.*" The decision made was completely unfair for our children who has been waiting for your approval.

Secondly, I would like to bring to your attention that I was an officer in the Southern Vietnamese Armed Forces in 1975. I was interned at a reeducation camp in Vietnam by the Socialist Republic of Vietnam. While I was in prison, my wife, *Truong Thi Minh Hue*, was the head of the household. She was also a principal applicant under ODP with file No. RF1-1163/IV-258870. In fact, I was interned in a reeducation camp twice. The first term was in a Police Agency in the Nghia Binh province for one year and four months. The second term was served at K18 (Kim Son Prison Camp) for four years (Attach. 1). My wife who formerly was in the civil service for the US 18th Military Police Brigade APO 96238, and 177th Military Police Department at Qui Nhon City. Her time of service was five years and six months (Attach. 2). She was retained at home under heavy watch by the local police forces after the fall of Saigon for a long period of time. Therefore, I am confident that all my children would be eligible for resettlement in the United States, because they met all the criteria requirements under the recent enacted *McCain Amendment*.

Thirdly, we have received the LOI in which indicated that we, the ten members of our family, have been accepted for resettlement in the US as a refugee under ODP letter dated

June 16, 1994. However, we weren't called for an interview with ODP until January 4, 1995 because the Vietnamese government did not issue the passports until that time. If we had received our passports prior to then we would have met the deadline of April 01, 1995, that was required. If that would have been the case, our family would be settled in the US now.

There are currently seven children of ours in Vietnam. Since our interview on June 15, 1995, 2 have been married and 5 remains single. All have received their passports from the Vietnamese government. They are still waiting for a response that allows them to reunite with us in the US.

Finally, for all the mentioned reasons above, we would like to ask that you please reconsider our case and approve for all our children to be resettled in the US under the *McCain Amendment*.

Thank you for your attention, and please let us know if any further information is needed regarding this case.

Sincerely yours,



Nguyen Ba Thu & Truong Thi Minh Hue

The Attachments:

1. The release from the reeducation camps of Nguyen Ba Thu
2. Verify employment of Truong Thi Minh Hue
3. LOI (for 10 persons) issued by US Embassy in Bangkok
4. A copy of marriage certificate in 1964
5. Sponsorship paper work notarized by Hoang Kim Nhung signed and sealed
6. The copies of my children birth certificates
7. A copy Joint Voluntary Agency's letter
8. A few pictures of our relationship
9. A copy of Joint Voluntary Agency

Additional Information:

IV:	258-870
HO:	RF1-1163
Need:	LOI as 923-9475
Received:	June 16, 1994
Interviewed:	June 15, 1995
Arrived to USA:	January 9, 1996

To: Orderly Departure Program
Box 58 U.S. Embassy
APO AP 96546
From: Nguyen Ba Thu & Truong Thi Minh Hue (wife)

April 06, 97

IV#: 258.870
HO: RF1_1163
Needs: LOI as 9239475
Interviewed: June 15, 1995
Date of Arrival: January 09, 1996
Reference: Mc. Cain Amendment

Letter of Petition

Dear Mr. Dewey Pendergrass,

We have filed the Mc. Cain form in December 12, 1996. Till April 06, 1997, we received a denial letter from ODP. The reason was:

"The applicant was approved as a refugee under a category not covered by the Amendment"

Under the following condition:

1) I, Nguyen Ba Thu, a father of 5 children (see the enclosed joint voluntary Agency dated Mar 3rd 1997) who had been a teacher, an official of Republic of Vietnam from 1959-1975. I have also been imprisoned 2 times,. First at Nghia Binh (1 year & 4 months), second at K18, Kim Son Nghia Binh (4 year).

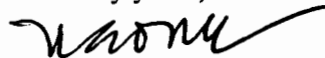
2) My wife Truong Thi Minh Hue, mother of 5 children (see enclosed joint voluntary Agency) had been secretary for U.S. agency at 18 Military Police Brigade APO 96238, Qui Nhon Binh Dinh also at 177 Military Police Detachment for 5 years and 6 months. Three of my family members were killed by the communist regime, and my wife was forced to resign so that the government would have more control over her status.

3) We received LOI in Jun/16/94 which allowed all 10 family members to go to the U.S. (see enclosed form). If Hanoi administrative would issue us passports and interview schedule sooner, we would have been in the U.S. already by April 1st, 1995.

With 3 conditions stated above, I believe all my children are eligible for Mc. Cain Amendment, even though my wife was the principle applicant, (since I am the father who spent 5 years in prison). She faced such low-degrading treatment from the communist. More than that blood was shed among our 3 family members under the communist, (indicated in the resignation letter signed by chief Nguyen Khoi of Qui Nhon's Community Board on October 26, 1987)

How can I say with such desperation described above, There are 7 children in Vietnam, 2 got married after the date of interview (June 15, 95) and 5 are still single (who have already passports). These children are waiting for the U.S. having compassion on them in order to go to the U.S. through Mc. Cain Amendment. It is my deepest desire to bring all my unmarried children to the U.S. since they still need our attention and care. Please let us know what we have to do in order to have another interview for our children soon. It is my greatest gratitude toward your understanding and we will look forward to hearing from you soon.

Sincerely yours,



Nguyen Ba Thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

(7) LẤY CHỨNG NHẬN ĐI HỌC TẬP CẢI TẠO.

(Thay cho lệnh phóng thích đã bị thất lạc).

Họ và tên : NGUYỄN - BÁ - THƯ

Ngày tháng năm sinh : 07 - 8 - 1938

**Đang ký thường trú : số nhà 46 (Kiến ốc xưa) đường Trần thị Kỷ
khu vực 1, phường Ngô Mỹ, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định.**

**Giấy CMND số : 210038166, ngày cấp 28/3/1978, nơi cấp Công an
tỉnh Nghĩa Bình.**

Cấp bậc trong quân ngũ : Trung úy bộ binh.

Số quân : 58/407945

**Chức vụ : Trưởng Ban tuyển mộ kiêm sĩ quan an ninh đơn vị
KBO 4918.**

Biệt phái về Bộ văn hóa giáo dục năm 1969.

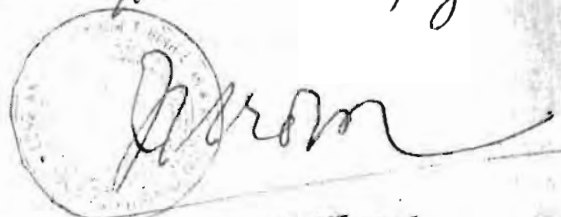
**- Đã trình diện học tập cải tạo từ ngày 01/6/1975 đến
ngày 30/7/1976. tại Ty An ninh tỉnh Bình Định.**

- Đã học tập các đợt ngắn hạn tại phường cộng lại : 3 tháng.

**Lệnh phóng thích ra trại đã nộp cho Công an phường
Ngô Mỹ ngày 01/8/1976.**

Qui Nhơn, ngày 24 tháng 9 năm 1989

*Trưởng Công an, Phường
Trần Thị Kỷ*



Trưởng Công an Phường

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHĨA BÌNH

98 : 662 / T-ND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

C H Á N H - Á N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHĨA BÌNH

- Thi hành quyết định ngày 29/8/1985 của Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc đặc xá cho phạm nhân có án tử đã cải tạo tốt nhân dịp lễ Quốc Khánh 2/9/1985.

- Căn cứ thông tư số 01 ngày 18/7/1985 của Liên bộ : Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ nội vụ, Bộ tư pháp hướng dẫn công tác đặc xá ngày 2/9/1985.

- Căn cứ biên bản xét duyệt ngày 04 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng đặc xá Nghĩa Bình.

A A - L E N H

- Điều 1 : Tha trước hạn tử :
cha : Nguyễn bá Thư tuổi : 1928
Ở thôn : 46 Trần thị Kỷ xã huyện桂 农
Tỉnh Nghĩa Bình bị xử phạt 04 năm
Về tội : trốn ra nước ngoài
Theo án số : 181 ngày 13 tháng 7 năm 1985
Của Tòa án nhân dân, 9A nâng
Đã thu hình t.ý ngày 15 tháng 8 năm 1982
Đến ngày 15 tháng 02 năm 1986 (được giảm trước : 06 tháng)

Khi về địa phương phải trình diện với chính quyền xã, phường và chịu sự quản lý, giáo dục, giúp đỡ của nhân dân làm ăn lương thiện.

- Điều 2 : Các ông Giám thị trại cải tạo thi hành lệnh này đối với người được tha có tên trên.

Nơi gửi :

- Tổng đạt cho người được tha
- Lưu hồ sơ T.H.A
- Lưu trại cải tạo
- Lưu VSND Tỉnh NB
- Lưu Công an Tỉnh NB

Quỳnh, ngày 18 tháng 9 năm 1985

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHĨA BÌNH

Chánh án

(Đã ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN PHÚC

Nhân thực Sao y bản chính

MỖ MÁY NGÀY 2 THÁNG 9 NĂM 1985

HOANG PHUONG NGUYEN

KY CHU TACH



NGUYỄN HỮU CUNG

DEPARTMENT OF THE ARMY
QUI FROM AN...
AND STAFF... 9000

AWHCP-2

22 Oct. 71

Date

Organization: 18th Military Police Brigade
APO 96238
177th Military Police Detachment

Change in identification number

The identification number of the following employees were changed to the identification number show below because of issuance of a new Vietnamese identification card by the Government of Vietnam. No other change involved.

NAME	OLD ID#	NEW ID#	DOB
BAO, Ngo Tung	374309	09867627	06-17-45
CAM, Tran Van	001975	02333720	01-20-28
LE-TUONG, Dinh Thi	BC7309	00601369	02-05-51
MINH-HUE, Truong Thi	385477	04430631	08-18-45
NGOC-TRAM, Phan Thi	3001304	03001304	01-12-47

[Signature]
JAMES H. HILL
Chief R & P

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 40/QĐ-TQ

Quy Nhơn, ngày 26 tháng 10 năm 1987

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỜI VIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Căn cứ chỉ thị 33/CT-TW ngày 16/1/1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc bảo vệ Đảng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ.

- Căn cứ quyết định số 582/QĐ-UB ngày 1/10/1979 của UB.ND tỉnh Nghĩa bình qui định: chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của UB.ND các huyện, thị xã trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ.

- Căn cứ biên bản họp xét kỷ luật ngày 21/10/1987 của Hội đồng kỷ luật thành phố Quy Nhơn về việc xử lý các giáo viên không đủ tiêu chuẩn chính trị.

- Theo đề nghị Trưởng ban TCC thành phố Quy Nhơn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay cho cô Trương Thị Minh Huệ.

Là giáo viên cấp I lưu dụng, ngày 30/4/1975 có hộ khẩu thường trú 46 Trần Thị Kỳ - Quy Nhơn (phường Ngô Mây).

Đang công tác: Giáo viên cấp I trường PTCS Ngõ Mây.

Thời việc về địa phương kể từ ngày 1/11/1987.

Với lý do: Trong kháng chiến chống Pháp, chồng Mỹ gia đình cô Trương Thị Minh Huệ có nhiều người thân làm tay sai đặc lực cho địch, gây nhiều nợ máu với nhân dân, đã bị cách mạng xử trị 3 người; chồng là giáo viên trung uý biệt phái đã tổ chức vượt biên năm 1982 bị cách mạng bắt cải tạo 24 tháng năm.

Ngày 21/10/1987 Hội đồng kỷ luật thành phố đã họp xét hình thức kỷ luật cho cô Trương Thị Minh Huệ thời việc (không chế độ 1 lần (vì hoàn cảnh gia đình kinh tế gặp khó khăn).

Điều 2: Cô Trương Thị Minh Huệ được hưởng chế độ 1 lần, bằng 6 tháng lương (kể cả các khoản phụ cấp khác nếu có) và được cấp lương thực theo chế độ hiện hành.

Thời về địa phương phải tham gia xây dựng nghĩa vụ và quyền lợi của người công dân và chịu sự quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương kể từ ngày thời việc.

Điều 3: Các ông Trưởng ban TCC thành phố, trưởng ban giáo dục thành phố, chủ tịch UBND phường Ngõ Mây, các cơ quan có liên quan và cô Trương Thị Minh Huệ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

THỦ LƯU BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

Xá nhân

Đã ban giao công tại Xóm
Ngày 30/10/1987

THỦ LƯU BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

CHỦ TỊCH

100175

22

PHẦN CÔNG CHỨNG NHÀ NƯỚC
CHANG PHU HUY CHU MINH
CHUNG NHAN SAO Y BAN CHANH
100175-0001 25 12 95

lu



Handwritten signature

Thị trấn Thị trấn Thị trấn
CÔNG CHỨNG VIỆN

BÃ THU LỆ PH

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

JUN 16, 1994

TO WHOM IT MAY CONCERN:

TRUONG THI MINH HUE	BORN	18 AUG 45	PA (IV	258870)
NGUYEN BA THU	BORN	7 AUG 38	HUSBAND	
NGUYEN QUOC TRUNG	BORN	20 APR 65	UNMARRIED SON	
NGUYEN THI THUY LINH	BORN	9 MAY 68	UNMARRIED DAUGHTER	
NGUYEN THI MY LINH	BORN	30 MAR 69	UNMARRIED DAUGHTER	
NGUYEN THI KIEU LOAN	BORN	19 MAR 70	UNMARRIED DAUGHTER	
NGUYEN QUOC HUNG	BORN	15 AUG 71	UNMARRIED SON	
NGUYEN THI HONG VAN	BORN	15 DEC 72	UNMARRIED DAUGHTER	
NGUYEN THI HONG HANH	BORN	30 DEC 73	UNMARRIED DAUGHTER	
NGUYEN THI HONG PHUC	BORN	23 NOV 76	UNMARRIED DAUGHTER	

ADDRESS IN VIETNAM: 411 LO 9 C/X THANH DA
P 27
BINH THANH
T/P HO CHI MIN

VEWL#: 77909

ODP yeu cau cho nhung nguoi co ten ghi tren day duoc phep den du cuoc phong van khi ho duoc moi, de quyet dinh tieu chuan tai dinh cu o Hoa Ky. Tuy nhien, quyet dinh cuoi cung chi duoc xac dinh sau cuoc phong van voi mot vi Tham Tan Bo Ngoai Giao Hoa Ky hoac mot Vien Chuc So Di Tru Hoa Ky va sau khi ho so y te can thiet da hoan tat. Ho so duoc chap thuan va su ra di cua ho se tuy thuoc vao mot quyet dinh chinh thuc phia My cho rang da hoi du tat ca nhung tieu chuan luat dinh ve nhap cu va nhung qui dinh ve y te.

Trong vai truong hop, co the (nhung) nguoi co ten ghi tren se mat tieu chuan tai dinh cu ke ca viec khong co du chung minh ve lien he gia dinh, khong hoi du tieu chuan ve chinh sach ti nan cua Hoa Ky ap dung chung tren toan the gioi; hoac nhung thay doi khac da anh huong den tieu chuan tai dinh cu. Vi the qui vi khong nen voi dan xep viec ra di, ban nha cua hoac xin nghi viec cho toi khi nhan duoc quyet dinh cuoi cung cho phep ra di cua ca phia chinh phu My va cninh quyen Viet Nam.

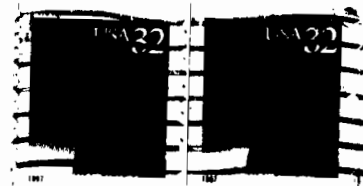
SINCERELY,


JOYCE J. MARSHALL
ACTING DIRECTOR
US ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

9239475

LOI-1

From : NGUYỄN BÁ THƯ



To: HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM (TVPPA)

Bộ túc B

22043/3412 13



From : Mrs. & Mr. TRUONG THI MINH HUE
NGUYEN BA THU.

Address :

Telephone:

RE : IV# 258870 RF 1.1163
Needs LOI: AS 9239475 date June 16, 1994.
Date of interview : - June 15, 1995
- October 23, 1995.

To : Mr. DEWEY PENDERGRASS, Director,
Orderly Departure Program,
Box 58 American Embassy , APO - AP 96546 .

Date December 9, 1996 .

Dear Mr. PENDERGRASS,

I am writing on behalf of my children :

- 1-NGUYEN THI THUY LINH, May 9, 1968
- 2-NGUYEN THI KIEU LOAN, Mar 19, 1970
- 3-NGUYEN QUOC HUNG, Aug 15, 1971
- 4-NGUYEN THI HONG VAN, Dec 15, 1972
- 5-NGUYEN THI HONG HANH, Dec 30, 1973
- 6-NGUYEN QUOC TRUNG, Apr 20, 1965 and his wife is HOANG
THI QUE ANH, Mar 23, 1971 (got married after October,
1995.
- 7-NGUYEN THI MY LINH, Mar 3, 1969 and her husband is NGU-
YEN THANH TAI, (got married after October, 1995)

I believe that status under the eligibility guideline of
the Orderly Departure Program (ODP) is affected by the Mc CAIN Amend-
ment of the 1997 Foreign Operations Act which restores eligibility
to the unmarried over 21 sons and daughters of the former Vietnamese
political prisoners .

I request that ODP check the cases according to case num-
ber provided above and confirm for me that the sons and daughters
listed above are eligible and part of the group that ODP now contac-
ting to invite to interview . If a new letter of introduction has
already been sent, I would appreciate knowing the date it was sent
and to what address in Vietnam . That will help me ensure it arrived.

I appreciate that your office is busy with many cases ,
but my family and I are equally anxious to ensure that the cases of
our children be reconsidered under the new law before their eligibili-
ty expires. On behalf of my family I thank you for your help in this
matter .

Sincerely,

C/c FVPPA

For information and follow-up

TRUONG THI MINH HUE

Address of our children in Vietnam :
411 Lo 9 Cu xa THANH DA, F 27
Binh Thanh district, Ho chi Minh city
VIETNAM .

NGUYEN BA THU

Dinh kem. AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP To be Completed by Relation / Friend in USA.

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
to be completed by relative/friend in USA

I

YOUR NAME NGUYEN BA THU
Other name you have used N/A
DATE OF BIRTH Aug 7, 1938
PLACE OF BIRTH Binh Dinh, Vietnam
ADDRESS IN USA _____
TELEPHONE NO. (H) _____ (W) _____

YOUR ALIEN STATUS IS:
U.S.CITIZEN ☐ Number: _____
PERMANENT RESIDENT ☐ A# _____
REFUGEE ☒ A# 74-506-735
DATE OF ENTRY INTO USA mo. Jan / day 9 / year 96
FROM WHICH COUNTRY? Vietnam

VOLUNTARY AGENCY WITH WHICH YOU ARE NOW WORKING : INTERNATIONAL RESCUE COMMITTEE
90 E. Gish Road, Suite E + F
San Jose, CA. 95112

II INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM

Important:

The Principal Applicant (P.A.) is your closet relative to be considered for US entry.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) NGUYEN THI THUY LINH
Other name he/she used in Vietnam : N/A
ADDRESS IN VIETNAM 411 Lo 9, Cu Xa Thanh Da, Phuong 27, Quan Binh Thanh, HO CHI MINH
HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? No CATEGORY? _____
DATE AND PLACE OF FILING _____
DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES ☒ NO _____ NUMBER(S)? _____
AM THE : HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☒ CHILD ☐ BROTHER ☐ SISTER ☐
OTHER _____ OF THE PRINCIPAL APPLICANT.
(Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
NGUYEN THI THUY LINH	mo/da/yr 05/09/68	Quy Nhon, VN	F	S	Principal Applicant	Same as above
NGUYEN THI KIEU LOAN	03/19/70	" "	F	S	sister	" "
NGUYEN QUOC HUNG	08/15/71	" "	M	S	brother	" "
NGUYEN THI HONG VAN	12/15/72	" "	F	S	sister	" "
NGUYEN THI HONG HANH	12/30/73	" "	F	S	"	" "
	/ /					
	/ /					
	/ /					
	/ /					
	/ /					
	/ /					
	/ /					
	/ /					

III

FAMILY TREE

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX (circle one)	DATE OF BIRTH mo/day/yr	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING/DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife TRUONG THI MINH HUE	M/F	08 18 45	Vietnam	Yes/No	Living	San Jose CA USA
B. Your other husbands/wives N/A	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
C. Your children						
NGUYEN QUOC TRUNG	M/F	08 20 65	"	Yes/No	"	Ho Chi Minh, Vietnam
NGUYEN THI MY LINH	M/F	03 30 69	"	Yes/No	"	"
NGUYEN THI THUY LINH	M/F	05 09 68	"	Yes/No	"	"
NGUYEN THI KIEU LOAN	M/F	03 19 70	"	Yes/No	"	"
NGUYEN QUOC HUNG	M/F	08 15 71	"	Yes/No	"	"
NGUYEN THI HONG VAN	M/F	12 15 72	"	Yes/No	"	"
NGUYEN THI HONG HANH	F	12 30 73	"	No	"	"
D. Your parents NGUYEN THI HONG PHUC	F	11 23 76	"	No	"	"
NGUYEN BA DIEP	M/F	01 25 05	"	Yes/No	Dead	
BUI THI TUAN	M/F	12 11 06	"	Yes/No		
E. Your brothers/sisters						
NGUYEN THI DAM	M/F	05 28 28	"	Yes/No	"	Gia Lai, Vietnam
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		

IV A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was a U.S. Government employee, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____

AGENCY: EMBASSY USAID/USOM CORDS USIS USARV/MACV/DAO OTHER _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

LAST POSITION : _____ LAST GRADE : _____

DURATION OF EMPLOYMENT : FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF LAST SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

PREVIOUS POSITION : _____ PREVIOUS GRADE : _____

DURATION OF EMPLOYMENT : FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

VIETNAMESE GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for the Vietnamese Government served in the Vietnamese military prior to 1975, please complete this section.

NAME OF PERSON _____
 INDUSTRY OR MILITARY UNIT _____ TITLE OR RANK _____
 CE _____ FROM _____ TO _____
 DESCRIPTION _____
 LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM THE U.S. GOVERNMENT: _____

DO YOUR RELATIVES WORK CLOSELY WITH AMERICANS? YES ☐ NO ☐ IF YES,
 PLEASE DESCRIBE: _____
 NAMES/RANKS OF ANY AMERICAN ADVISORS _____

I RE-EDUCATION

DOES THE PRINCIPAL APPLICANT OR ANY ACCOMPANYING RELATIVE SPEND TIME IN REEDUCATION?
 YES ☐ NO ☐

DATE _____ DURATION from _____ to _____
 DATE _____ DURATION from _____ to _____

REMARKS

Are there any special considerations or comments that would affect your relatives' eligibility?

IF MORE SPACE IS NECESSARY FOR YOU TO ADD MORE COMPLETE INFORMATION ABOUT ANY OF THE ITEMS REQUESTED ON THIS AFFIDAVIT, PLEASE WRITE THAT INFORMATION ON A SEPARATE SHEET TO BE ATTACHED TO THE AFFIDAVIT. THIS WILL BE NECESSARY IF MORE THAN ONE FAMILY MEMBER WORKED FOR THE U.S. GOVERNMENT, A U.S. COMPANY, OR THE VIETNAMESE GOVERNMENT.

NOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Subscribed and sworn to me

Signature of Applicant

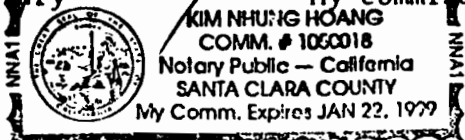
this 11th day of October, 1996

Signature of Notary

My commission expires:

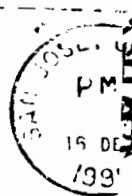
Jan. 22, 1999

SEAL OF NOTARY



NOTE: If you are a refugee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (refugee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

From: TRƯỜNG THỊ MINH HUE



DEC 21 1996 GIA DINH
To: * HỘI CỤM TỬ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

B 21(1/4/95)

IV 258.870 RF1 1163

22043/341B



HỒ SƠ ĐÌNH KEM

1. - 2 giấy chứng nhận đã học tập cả tạo 2 kỳ
2. - 10 bản khai đình của mỗi người.
3. - 1 giấy hôn thú
4. - 1 tờ khai hộ khẩu
5. - 10 tấm ảnh của mỗi người.
6. - 1 bản sao quyết định nghỉ dạy của Trường th. mầm non
7. - 1 bản sao hồ IV: 258.870

* Kính gửi Hội Gia đình tù nhân chính trị Việt nam
Tại Po Box 5435 - ARLINGTON
VA 22.205 - 0835 USA
Tel

Kính thưa Bà Hội trưởng: Hiếu Minh Toại
- Ông Hội phó: Bùi đình Đạm

* Tôi xin gửi đơn xin đình cư tại Hoa kỳ theo diện tù nhân chính trị
xin quý hội cứu xét:

A: Lý lịch căn bản:

1. Họ và tên: NGUYỄN BÁ THU
2. Ngày và nơi sinh: 07 - 8 - 1938 tại xã Cát Châu huyện Phú Cát tỉnh Bình Định
3. Địa chỉ thường trú: Số 46 Trần Thị Kỳ, thành phố Quy Nhơn

B: Đã Công vụ cho chính phủ Việt nam Cộng hòa:

- Từ 1962 → 1966 = Giáo viên tại các trường ở Bình Định tiểu học và trung học.
- Từ ngày 22-2-1966: Động viên đi tẩu thoát (nhập ngũ)
Tháng 12/69 lên Trung úy: Sĩ quan 58/407945
- Từ tháng 12/1966 về TT2 TM và NN kbc. 4918
Sĩ quan hướng dẫn
- Tháng 4-1967 → 1969: Về Phòng TM và NN Bình Định kbc 3755
điều vụ Trưởng Ban tuyên mô kiêm Sĩ quan An ninh
- Từ 1969 → 1975 (tháng 4) Biệt phái về dạy ở Sở học chánh Bình Định

Sau ngày "giải phóng" - 30-4-75 -

- học tập kỳ 1: 1 năm 4 tháng
- kỳ 2: 4 năm

học tập kỳ 1 + 2 = 5 năm 4 tháng.

- Có huy chương được cấp tặng khi phục vụ cho chính phủ Việt nam Cộng hòa.

1. Chiến dịch Bội tinh h 158/QĐII-TAT. ngày 13-8-68 kbc 4579.
2. Tổng lực cấp tá đoàn. Sĩ quan TKBD/CL/TL ngày 10/2/69 kbc 4262
3. Tổng lực cấp tá đoàn h: 092 TKBD/CH/TL/16/9/69 kbc 4262
4. Không vụ bất tỉnh hạng danh dự số 201 Bộ tư lệnh không quân/QĐ KVB 01-11-69

5. Tổng lục cấp lữ đoàn số 106 TKBD/TQT/CH/TL
ngày 30-6-72 của TKBD
6. Tổng lục cấp lữ đoàn số 233/TTM/CH/TL ngày 6-7-69
BỘ TTM/QHUNCH
7. Bảng tổng lệ: số 419/BĐ/VP. ngày 10-9-71 của Tòa HC.BĐ
8. Bảng tổng lệ số 267/BĐ/VP ngày 16-12-72 — HC/BĐ

VÔ TRƯỜNG THỊ MINH HUỆ Sinh năm 1945.

tại xã Phước Hòa, Tuy Phước Bình Định.

Từ 1966 → 1971 đã phục vụ cho cơ quan AN NINH của Mỹ.

MP Detachment (Det) 177 - tại Qui Nhơn.

Chief = LT. SMITH APO: 96238 -

Từ 1971 → 1975: dạy học tại ty giáo dục Bình Định.

Từ sau 1975: giáo viên lưu động. đến năm 1987 với quyết định nghỉ dạy lý luận vì lý lịch quá nặng đối nghịch với chính thể Cộng Sản Việt Nam (xin đính kèm)

Cuộc di cư phụ thuộc:

* Sau biến cố ngày 30-4-1975 gia đình tôi (cả vợ lẫn chồng) đã thừa kế 4 lý lịch quá nặng đối với chính quyền Cộng Sản tại Việt Nam. từ ông bà cha, đến bản thân. nên hoàn toàn bị cô lập - kỳ thị - chịu chế độ 42 đi KT mới - ra khỏi thành phố - con cái lý lịch xếp hạng chót (14) - đối tượng CM. không được đi học cao. Hết đường sống nên tôi đã vượt biên ngày 8-1982 - bị bắt và kết án 4 năm tù. Mãi tù tù về làm lao động nặng qua ngày - con cái đều thất nghiệp. không còn lối thoát thân.

Đến nay chính phủ Hoa Kỳ và nhà nước Việt Nam thỏa thuận cho những người trong diện HO được sang định cư ở Mỹ. Với nguyện vọng làm đơn này xin Hội đồng xét duyệt cho tôi được ở lại định cư ở Mỹ kính xin đa tạ

Tôi đã nhận được số IV: 258.870 do Tòa đại sứ Mỹ ở Thái Lan cấp ngày 07-4-90.

Những người trong gia đình xin đi:

Quan hệ	Họ và tên	Năm Sinh	Giới tính	Văn hóa
chồng	Nguyễn bá Thôi	1938	Nam	Tú Tài
vợ	Trương thị minh Huệ	1945	nữ	-w-
con	Nguyễn quốc Trung	1965	Nam	Sinh V
-w-	Nguyễn thị thủy Linh	1968	nữ	12/12
-w-	Nguyễn thị Mỹ Linh	1969	-w-	12/12
-w-	Nguyễn thị Kiều Loan	1970	-w-	12/12
-w-	Nguyễn quốc Hưng	1971	Nam	12/12
-w-	Nguyễn thị Hồng Vân	1972	-w-	11/12
-w-	Nguyễn thị Hồng Hạnh	1973	nữ	11/12
-w-	Nguyễn thị Hồng Phúc	1976	-w-	8/12

Bạn bè ở Hoa Kỳ:

1. Nguyễn cầm Mâu địa chủ

2. Lê văn Ba địa chủ Land Investment Specialist

Qui Nhơn ngày 17-4-1990 -

Người viết đơn ký tên

Nguyễn bá Thôi

Nguyễn bá Thôi

IV, 248.870

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

7 LẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ HỌC TẬP CẢI TẠO.

(Thay cho lệnh phỏng thích đã bị thất lạc).

Họ và tên : NGUYỄN - BẮ - THƯ
Ngày tháng năm sinh : 07 - 8 - 1938
Đăng ký thường trú : số nhà 46 (Kiến ốc cục) đường Trần thị Kỳ
khu vực 1, phường Ngô Mỹ, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định.
Giấy CMND số : 210038166, ngày cấp 28/3/1978, nơi cấp Công an
tỉnh Nghĩa Bình.
Cấp bậc trong quân ngũ : Trung úy bộ binh.
Số quân : 58/407945
Chức vụ : Trưởng Ban tuyển mộ kiêm sĩ quan an ninh đơn vị
KBC 4918.

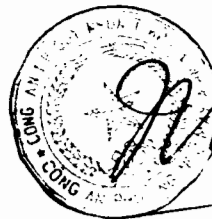
Biệt phái về Bộ văn hóa giáo dục năm 1969.

- Đã trình diện học tập cải tạo từ ngày 01/6/1975 đến ngày 30/7/1976. tại Ty An ninh tỉnh Bình Định.
- Đã học tập các đợt ngắn hạn tại phường cộng lại : 3 tháng.

Lệnh phỏng thích ra trại đã nộp cho Công an phường
Ngô Mỹ ngày 01/8/1976.

Qui Nhơn, ngày 24 tháng 9 năm 1989

*Trưởng công an phường
Theo hồ sơ 12 ngày*



24/9/89

Số : 662 / TĐ-ND

Sđtr : 258.870

C H A N H - A N
TỔNG AN NHÂN DÂN TỈNH NGHĨA BÌNH

- Thi hành quyết định ngày 29/8/1985 của Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc đặc xá cho phạm nhân có án tù đã cải tạo tốt nhân dịp lễ Quốc khánh 2/9/1985.

- Căn cứ thông tư số 01 ngày 13/7/1985 của Liên bộ : Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ nội vụ, Bộ tư pháp hướng dẫn công tác đặc xá ngày 2/9/1985.

- Căn cứ biên bản kết duyệt ngày 04 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Đặc xá Nghĩa Bình.

A A - L E N H

- Điều 1 : Tha tước hạn tù :
cho : Nguyễn bá Thư tuổi : 1938
Ở thôn : 46 Trần thị Kỳ xã huyện Qui Nhơn
Tỉnh Nghĩa Bình bị xử phạt 04 năm
Về tội : trốn ra nước ngoài
Theo án số : 181 ngày 13 tháng 7 năm 1985
Của Tòa án nhân dân : 9A nâng
Đã thu hình tở ngày 15 tháng 8 năm 1982
Đến ngày 15 tháng 02 năm 1986 (được giảm trước : 06 tháng)

Khi về địa phương phải trình diện với chính quyền xã, phường và chịu sự quản lý, giáo dục, giúp đỡ của nhân dân làm ăn lương thiện.

- Điều 2 : Các ông Giám thị trại cải tạo thi hành lệnh này đối với người được tha có tên trên.

Nơi gửi :

- Tổng cục cho người được tha
- Lưu hồ sơ T.H.A
- Lưu trại cải tạo
- Lưu VHSND Tỉnh NB
- Lưu Công an Tỉnh NB

Qui Nhơn, ngày 13 tháng 9 năm 1985
TỔNG AN NHÂN DÂN TỈNH NGHĨA BÌNH
Chánh án
(Ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN PHỤNG

Nhận thực Sao y bản chính

MỖ MÁY NGÀY 2 THÁNG 9 NĂM 1985

HOANG PHUONG NGUYEN

KY CHU TICH

NGUYEN HUU CONG



NGUYỄN HỮU CUNG

SỞ TƯ PHÁP

TRUNG-NGUYÊN TRUNG-PHẦN

Tòa Hòa-Giải PHÙ-CÁT

CHỨNG THƯ THAY GIẤY KHAI

SANH

CỦA NGUYỄN-BÁ-THƯ

Số 222I

Năm một ngàn chín trăm SÁU MƯƠI NĂM ngày CHÍN
tháng TÁM 19 65 giờ 10

Trước mặt chúng tôi:

Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-PHÂN Quận Trưởng kiêm Thẩm Phán Tòa Hòa giải Quận PHÙ-CÁT
Có Ông NGUYỄN-NGOC-THẠNH Lục sự ngồi giúp việc.

Có đến trình diện:

1 NGUYỄN-AN-PHÊ 28 tuổi căn cước số 191.587
Ngày 11.9.1962 Cấp tại PHÙ-CÁT Hiện trú CÁT-CHÁNH, PHÙ-CÁT
2 ĐỖ-XUÂN-THÀNH 38 tuổi căn cước số 208.047
Ngày 20.9.1962 Cấp tại PHÙ-CÁT Hiện trú CÁT-CHÁNH, PHÙ-CÁT
3 LÊ - TÁM 44 tuổi căn cước số 194.560
Ngày 12.09.1962 Cấp tại PHÙ-CÁT Hiện trú CÁT-CHÁNH, PHÙ-CÁT

Các nhân chứng nói trên, đều đã trưởng thành, sau khi thề nói sự thật, nói hoàn toàn sự thật đã lần lượt khai và chứng nhận biết đích thực.

NGUYỄN-BÁ-THƯ (CON TRAI)

Quốc-tịch Việt-nam, sinh ngày mồng bảy tháng tám năm một nghìn chín trăm ba mươi tám (07.8.1938) tại ấp Chánh Hội, xã Cát-Chánh, quận Phù-Cát, tỉnh Bình-Định.

Con ông NGUYỄN-BÁ-DIỆP (chết) và bà BUI-THỊ-TUÂN sáu mươi tuổi, (vợ CHÁNH) làm nghề nông.

Nhà in L. ĐAI 141 (27) Phan-bội-Châu QUI-NHON

Nguyên đơn NGUYỄN-BÁ-THƯ 27 tuổi chánh quán Cát-Chánh, Phù-Cát.
Bình-Định trú quán Cát-Chánh, Phù-Cát, Bình-Định.

Có dịch thân trình diện để xác nhận đơn xin cấp chứng thư thay giấy khai SANH đã nộp tại Phòng Lục sự Bản Tòa quả quyết rằng không thể xuất trình được giấy khai SANH của tôi tên Nguyễn-bá-Thư được. vì lẽ biến cố chiến tranh, sổ Hộ-tịch bị tiêu-hủy, bản chánh bị thất lạc.

Các đương sự đã được hiển thị về điều 337 Luật Hình trừng phạt tội làm chứng giả và dân sự từ 3 tháng đến một năm tù và phạt bạc từ 800\$00 đến 2400\$00.

Ghi nhận các lời khai tự trên mà các nhân chứng công nhận đúng là sự thật, nên chiếu điều 48 Hộ Luật, chúng tôi cấp chứng thư này để thay thế giấy khai SANH của NGUYỄN-BÁ-THƯ

Sau khi nghe đọc lại bản văn này các đương sự đã ký tên cùng chúng tôi và Ông Lục sự.

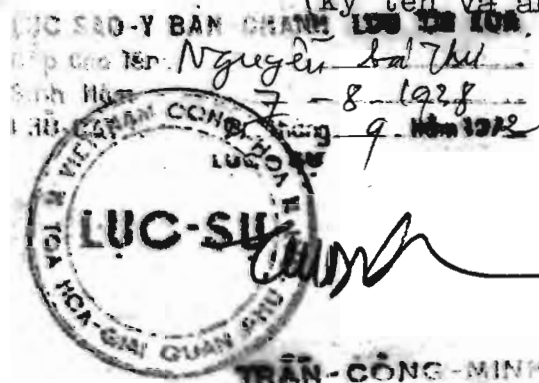
NGUYỄN ĐƠN

NHÂN CHỨNG

LỤC SỰ

THẨM PHÁN

ky tên NGUYỄN-BÁ-THƯ - NGUYỄN-AN-PHÊ (đã ký) NGUYỄN-VAN-PHÂN
- ĐỖ XUÂN-THÀNH (ký tên và ấn dấu)
- LÊ - TÁM



TRẦN-CÔNG-MINH



BỘ TƯ - PHÁP

Số IV: 258.870

VIỆT NAM CỘNG HÒA

SỞ TƯ - PHÁP

TRUNG-NGUYÊN TRUNG-PHẦN

Chứng Thư Thay Giấy Khai

CỦA THƯƠNG THI-MINH-HUỆ

Tòa Hòa-giải Tuy-phước

Số 106

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn ngày mười ba
tháng một (10/01/1964) hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi :

— Bùi-Thiện-Khiêm Quận-Trưởng kiêm Thẩm-phán Tòa Hòa-giải Quận Tuy-phước
— Có Ông Nguyễn-quang-Khiêm Lục-sự ngồi giúp việc.

Có đến trình diện

1	<u>Nguyễn-xuân-Lang</u>	33	tuổi, Căn-cước số	<u>311.377</u>	
Ngày	<u>04/12/62</u>	Cấp tại	<u>Tuy-phước</u>	Hiện trú	<u>Tân-giản, Phước-hòa</u>
2	<u>Trương-văn-Trà</u>	34	tuổi, Căn-cước số	<u>306.226</u>	
Ngày	<u>29/01/62</u>	Cấp tại	<u>Tuy-phước</u>	Hiện trú	<u>Tân-giản, Phước-hòa</u>
3	<u>Võ-thị-Thung</u>	30	tuổi, Căn-cước số	<u>312.334</u>	
Ngày	<u>30/11/62</u>	Cấp tại	<u>Tuy-phước</u>	Hiện trú	<u>Tân-giản, Phước-hòa</u>

Các nhân chứng nói trên, đều đã trưởng thành, sau khi thề nói sự thật, mới toàn sự thật đã lần lược khai và chứng nhận biết đích thực :



THƯƠNG THI-MINH-HUỆ, Con gái, Quốc-tịch Việt-Nam,
sinh ngày mười tám, tháng tám, năm một ngàn chín trăm bốn
mười lăm (18/08/1945) Tại xã Tân-giản, xã Phước-hòa, quận
Tuy-phước, tỉnh Bình-định.

Con Ông Trương-văn-Hiến 6/ và Bà Trần-thị-Khiếu 58 tuổi
nghề-nông, đều quốc-tịch Việt-Nam, đồng chính trú quán ở
Tân-giản, xã Phước-hòa, quận Tuy-phước, tỉnh Bình-định.
Bà Trần-thị-Khiếu là vợ chính thất bậc nhất của Ông Trương
văn-Hiến.

Nguyên đơn

Trần-thị-Khiếu 58 tuổi, chính quán

ở Tân-giản, xã Phước

hòa, quận Tuy-phước

Tân-giản, Phước-hòa, Tuy-phước.

Có đích thân trình diện để xác nhận đơn xin cấp chứng thư thay giấy khai
đã nộp tại Phòng Lục sự Bản Tòa và quá quyết rằng không thể xuất trình được giấy
khai của con được, vì lẽ hiện-có chiến
tranh, cơ hộ-tịch bị tiêu-hủy, bản chính bị thất-lạc.

Các đương sự đã được hiểu thì về điều 337 Luật Hình trừng phạt tội làm chứng giả
về dân sự từ 3 tháng đến 1 năm tù và phạt bạc từ 600\$00 đến 2400\$00.

Ghi nhận các lời khai tự trên mà các nhân chứng công nhận là đúng sự thật, nên chiếu
điều Hộ-Luật, chúng tôi cấp Chứng thư này để thay thế giấy khai
của con

Sau khi nghe đọc lại bản văn này các đương sự để ký tên càng chúng tôi và Ông Lục sự

Nguyên đơn

Nhân chứng

Lục-sự

Thẩm-phán

Trần-thị-Khiếu

Trương-văn-Trà

Nguyễn-quang-Khiêm

Bùi-thiện-Khiêm

Nguyễn-xuân-Lang

Võ-thị-Thung

LỤC SAO THEO BẢN CHÍNH TẠI TÒA



NGUYỄN-QUANG-KHIÊM

Có bản tại nhà sách Đại-Chúng 283 Gia-Lương Quận-Nam

Chứng thư thay giấy khai SANH

CỦA NGUYỄN-QUỐC-TRUNG

Số : 9725

Năm một ngàn chín trăm Bảy mươi hai ngày Hai mươi lăm
tháng chín (25/9/1972) giờ 10 giờ

Trước mặt chúng tôi

Thiếu-Tá : TỔ VĂN CHU Quận Trưởng kiêm Thẩm phán Tòa Hòa-giải Quận Phù-Cát
- Có Ông TRẦN CÔNG MINH Lục sự ngồi giúp việc.

Có đến trình diện

1. Võ Ngọc Chiêu 46 tuổi, Căn cước số 01419025
Ngày 11/6/69 Cấp tại Phù Cát Hiện trú Cát chánh, Phù Cát
2. Đỗ Xuân Thành 45 tuổi, Căn cước số 01419078
Ngày 11/6/69 Cấp tại Phù Cát Hiện trú Cát chánh, Phù Cát
3. Nguyễn Thuận 56 tuổi, Căn cước số 01419067
Ngày 11/6/69 Cấp tại Phù Cát Hiện trú Cát chánh, Phù Cát

Các nhân chứng nói trên đều đã trưởng thành sau khi thề nói sự thật, nói toàn sự thật, đã lần lượt khai và chứng nhận biết đích thực :



NGUYỄN-QUỐC-TRUNG :- (Con trai) Quốc Tịch Việt
Sanh ngày hai mươi, tháng tư, năm một ngàn chín trăm
sáu mươi lăm (20.4.1965) Tại ấp Chánh hội, Xã Cát-chánh
quận, Phù Cát, Tỉnh Bình định, là con Ông Nguyễn Bá - Thư
34 tuổi, và Bà Trương Thị Minh huệ 27 tuổi (Vợ chánh)
Nghề (Giáo chức)

//

Nguyên đơn Nguyễn-Bá-Thư 34 tuổi, Chánh quán Chánh hội, Cát chánh
Phù Cát, Bình định Trú quán Cát chánh, Phù Cát, Bình định
có đích thân trình diện đề xác nhận đơn xin cấp chứng thư thay giấy khai SANH
đề nộp tại Phòng Lục sự Bản Tòa và quả quyết rằng không thể xuất trình được giấy
khai SANH của NGUYỄN QUỐC TRUNG được, vì lẽ biên cơ chiến
tranh, sở hộ tịch chánh quán bị tiêu hủy, bản chánh bị thất lạc.

Các đương sự đã được hiểu về điều 337 Luật hình trừng phạt tội làm chứng giả
về dân sự từ 3 tháng đến một năm tù và phạt bạc từ 600\$00 đến 2400\$00

Ghi nhận các lời khai tự trên mà các nhân chứng công nhận là đúng sự thật nên
chiếu điều 48 Hộ Luật. Chúng tôi cấp chứng thư này để thay thế giấy khai SANH
của NGUYỄN QUỐC TRUNG

Sau khi nghe đọc lại bản văn này các đương sự đã ký tên cùng chúng tôi và ông Lục-sự

Nguyên-đơn	Nhân chứng	Lục-sự	Thẩm-phán
Ký tên,	ký tên,	ký tên,	ký tên và an dấu

Nguyễn bá Thư

Võ ngọc Chiêu

TRẦN CÔNG MINH

Thiếu Tá TÔ VĂN CHU

Đỗ xuân Thành

Nguyễn Thuận

LỤC SỰ-Y BAN-CHUYÊN LƯU TẠI TÒA
Đáp Cho Ông Nguyễn-Quốc-Trung
Sinh Năm 20-4-1965
PHÙ-CÁT Ngày 25 Tháng 9 Năm 1972
LỤC-SỰ



TRẦN-CÔNG-MINH

SỐ IV: 258.870

TRÍCH LỤC

KHAİ SINH:

Số hiện 3586



Nhà in LIÊN THAI 254 Phan-bội-Châu QUI-NHON

Tên họ đầu nhĩ :	NGUYỄN-THỊ-THUY-LINH
Phối :	Nữ
Sinh ngày, tháng, năm,	Chín, tháng năm, năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám (09.05.1968)
Tại :	Ấp C'uong-Đề, Xã Qui-Nhon
Tên họ Cha :	NGUYỄN-BÁ-THƯ
Tuổi :	Ba mươi tuổi (30)
Nghề nghiệp :	Quân-Nhân
Cư trú tại :	KBC. 3755
Tên họ Mẹ :	TRƯƠNG-THỊ-MINH-HUỆ
Tuổi :	Hai mươi ba tuổi (23)
Nghề nghiệp :	Nội trợ
Cư trú tại :	Ấp Hầm-Nghi, Xã Qui-Nhon
Vợ (chánh hay thư) :	Chánh
Tên họ người khai :	NGUYỄN-BÁ-THƯ
Tuổi :	Ba mươi tuổi (30)
Nghề nghiệp :	Quân-Nhân
Cư trú tại :	K B C 3755
Ngày khai :	Mười tám, tháng năm, năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám (18-05-1968)
Tên họ người chứng thứ nhất :	Mai-Ất
Tuổi :	Bốn mươi bốn tuổi (44)
Nghề nghiệp :	Nông
Cư trú tại :	Ấp Nguyễn-Đu, Xã Qui-Nhon
Tên họ người chứng thứ hai :	Võ-Đình-Thạnh
Tuổi :	Ba mươi ba (33) tuổi
Nghề nghiệp :	Quân-Nhân
Cư trú tại :	K B C 6140

Làm tại Qui-Nhon ngày 18 tháng 5 năm 1968

Người khai

- Nguyễn-Bá-Thư (Ký tên)

Hộ lại

Ký tên V A N - H Ò A

Nhân chứng

- Mai-Ất

- Võ-Đình-Thạnh

Ký tên

Chứng thực chữ ký của Ông Văn-Hòa
 Chủ-Tịch Kiêm Hộ-Tịch Xã Qui-Nhon
 Qui-Nhon, ngày 21 tháng 5 năm 1968
 TL. TỈNH-TRƯỞNG TỈNH BÌNH-ĐỊNH
 Chủ-Đoàn Phòng Hành-Chánh



V A N - H Ò A.

NGUYỄN-THỊ-LINH

Số IV: 258.870

TRÍCH LỤC

KHAI SINH

Số hiệu 1511



KI NHÀ IN LIÊN THAI QUI-NHON

Tên họ ấu nhi:	NGUYỄN-THỊ-MỸ-LINH
Phái:	Nữ
Sinh ngày, tháng, năm,	Ba mươi, tháng ba, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín(30/3/1969)
Tại:	Xã Qui-Nhơn
Tên họ Cha:	Nguyễn-bá-Thư
Tuổi:	Ba mươi mốt tuổi (31)
Nghề nghiệp:	Quân-nhân
Cư trú tại:	KBC. 3755
Tên họ Mẹ:	Trương-thị-Minh-Huê
Tuổi:	Hai mươi bốn tuổi (24)
Nghề nghiệp:	Nội trợ
Cư trú tại:	Khu Gia-Binh KBC. 3755
Vợ (chánh hay thứ):	Chánh
Tên họ người khai	Nguyễn-bá-Thư
Tuổi:	Ba mươi mốt tuổi (31)
Nghề nghiệp:	Quân-nhân
Cư trú tại:	KBC. 3755
Ngày khai:	Ba, tháng tư, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín(03/4/1969)
Tên họ người chứng thứ nhất:	Lê-ngọc-Anh
Tuổi:	21 tuổi
Nghề nghiệp:	Quân-nhân
Cư trú tại:	KBC. 4262
Tên họ người chứng thứ hai:	Lê-Tâm
Tuổi:	34 tuổi
Nghề nghiệp:	Quân-nhân
Cư trú tại:	KBC. 4262

Làm tại Qui-Nhơn, ngày 03 tháng 4 năm 1969

Người khai
Ký tên:

Nguyễn-bá-Thư

Hộ lại

Ký tên VAN-HOÀ

Nhân chứng
Đồng ký tên:-Lê-ngọc-Anh
-Lê-Tâm

PHUNG TRÍCH LỤC

Qui-Nhơn, ngày 03 tháng 4 năm 1969

Chủ tịch kiêm Ủy viên Hộ tịch



VAN-HOÀ

Nhận thực thủ lý của ông VAN-HOÀ
Ghi chép vào sổ hộ tịch của Ủy ban
Quê hương.

NGUYỄN-HỮU-LIÊN

STV: 258.870

TRÍCH LỤC

KHAI SINH

Số hiệu: 1432



BÀ LIEN-TAI QUI-NHON

Tên họ ấu nhi :	NGUYỄN-THỊ-KIỆU-LOAN
Phái :	NỮ
Sanh ngày, tháng, năm,	Mười chín, tháng ba, năm một ngàn chín trăm bảy mươi (19/03/1970)
Tại :	Nhà Hộ Sinh Bắc-Sĩ Hoàng-Ngọc-Đỉnh, Quinhon
Tên họ Cha :	Nguyễn-Bá-Thư
Tuổi :	Ba mươi hai tuổi (32)
Nghề nghiệp :	Giáo chức
Cư trú tại :	46 Cô-Giang, Quinhon
Tên họ Mẹ :	Trương-Thị-Minh-Huê
Tuổi :	Hai mươi lăm tuổi (25)
Nghề nghiệp :	Nội trợ
Cư trú tại :	46 Cô-Giang, Quinhon
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Tên họ người khai :	Nguyễn-Bá-Thư
Tuổi :	Ba mươi hai tuổi (32)
Nghề nghiệp :	Giáo-chức
Cư trú tại :	46 Cô-Giang, Quinhon
Ngày khai :	Hai mươi bảy, tháng ba, năm một ngàn chín trăm bảy mươi (27/03/1970)
Tên họ người chứng thứ nhất :	Nguyễn-Văn-Châu
Tuổi :	33 tuổi
Nghề nghiệp :	Giáo chức
Cư trú tại :	Ty Tiểu-Học Bình-Đỉnh
Tên họ người chứng thứ hai :	Hồ-Liêm
Tuổi :	34 tuổi
Nghề nghiệp :	Giáo chức
Cư trú tại :	Ty Tiểu-Học Bình-Đỉnh

MIỄN PHÍ

Làm tại Quinhon ngày 27 tháng 03 năm 1970

Người khai

Hộ lại

Nhân chứng

Ký tên: Nguyễn-Bá-Thư

Ký tên: Nguyễn-Hậu

- Nguyễn-Văn-Châu, ký
- Hồ-Liêm, ký

PHỤNG TRÍCH LỤC

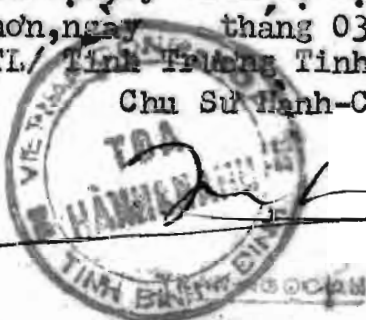
Qui-nhon, ngày 27 tháng 03 năm 1970

chứng thực, chữ ký của Ông Ủy viên Hộ-Tịch Xã Quinhon
Nguyễn-Hậu, Ủy viên Hộ-Tịch Xã Quinhon

Quinhon, ngày tháng 03 năm 1970

TL/ Tỉnh Trưởng Tỉnh Bình Định

Chu Sĩ Hạnh-Chánh



NGUYỄN-HẬU

KHAI SINH

Số hiệu 45



Bán tại nhà in LIÊN-THÁI 254, Pháo bộ Châu, QUINHON

Tên họ ấu nhi :	NGUYỄN-QUỐC-HÙNG
Phái :	Nam
Sinh ngày, tháng, năm :	Mười lăm, tháng tám, năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt (15/08/1971)
Tại :	Nhà Bảo-Sanh Bắc-Sĩ Tôn-thất-Hình
Tên họ Cha :	Nguyễn-bá-Thư
Tuổi :	33 tuổi
Nghề nghiệp :	Công-chức
Cư trú tại :	Khu-Phố Trung-Hiếu, Thị-Xã Qui-Nhơn
Tên họ Mẹ :	Trương-thị-Minh-Huệ
Tuổi :	26 tuổi
Nghề nghiệp :	Nội-trợ
Cư trú tại :	Khu-Phố Trung-Hiếu, Thị-Xã Qui-Nhơn
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Tên họ người khai	Nguyễn-bá-Thư
Tuổi :	33 tuổi
Nghề nghiệp :	Công-chức
Cư trú tại :	Khu-Phố Trung-Hiếu, Thị-Xã Qui-Nhơn
Ngày khai :	Mười sáu, tháng tám, năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt (16/08/1971)
Tên họ người chứng thứ nhất :	Nguyễn-minh-Hải
Tuổi :	31 tuổi
Nghề nghiệp :	Công-chức
Cư trú tại :	Khu-Phố Trung-Hiếu, Thị-Xã Qui-Nhơn
Tên họ người thứ nhì :	Nguyễn-Quốc-Nam
Tuổi :	31 tuổi
Nghề nghiệp :	Công-chức
Cư trú tại :	Khu-Phố Trung-Hiếu, Thị-Xã Qui-Nhơn

Làm tại KP. Trung-Hiếu, ngày 16 tháng 08 năm 1971
NHÂN-CHỨNG.

NGƯỜI-KHAI,

Nguyễn-bá-Thư
(ký tên)

Ký tên LE VAN THANH

- Nguyễn-minh-Hải ký

PHỤNG TRÍCH LỤC

- Nguyễn-quốc-Nam ký

Qui-Nhơn ngày 16 tháng 08 năm 1971

Chủ tịch kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch



Le Van Thanh
Le Van Thanh

KHAI SINH

Số hiệu 12851

Tên họ ấu nhi: NGUYỄN-THỊ-HỒNG-VÂN

Phái: nữ

Sanh ngày, tháng, năm: Mười lăm tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (15.12.1972).

Tại: Phường Trung-hiếu, Thị-xã Qui-nhơn.

Tên họ Cha: Nguyễn-bá-Thư.

Tuổi: 34 tuổi

Nghề nghiệp: Công-chức

Cư trú tại: Phường Trung-hiếu, Thị-xã Qui-nhơn.

Tên họ Mẹ: Trương-thị-Minh-Huệ

Tuổi: 27 tuổi

Nghề nghiệp: Giáo-chức

Cư trú tại: Phường Trung-hiếu, Thị-xã Qui-nhơn.

Vợ (chánh hay thứ): Chánh

Tên họ người khai: Nguyễn-bá-Thư

Tuổi: 34 tuổi

Nghề nghiệp: Công-chức

Cư trú tại: Phường Trung-hiếu, Thị-xã Qui-nhơn.

Ngày khai: Mười chín tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai. (19.12.1972).

Tên họ người chứng thứ nhất: Nguyễn-quốc-Nam

Tuổi: 30 tuổi.

Nghề nghiệp: Giáo-chức

Cư trú tại: Phường Trung-hiếu, Thị-xã Qui-nhơn.

Tên họ người chứng thứ nhì: Nguyễn-Hiệp

Tuổi: 30 tuổi

Nghề nghiệp: Giáo-chức

Cư trú tại: Phường Trung-hiếu, Thị-xã Qui-nhơn.

Bản tại nhà in TIỀN-THÁI 254, Phan-bội-Châu-QUI-NHƠN

Làm tại, Trung-hiếu ngày 19 tháng 12 năm 1972

NGƯỜI-KHAI
NGUYỄN-BÁ-THƯ

HỘ LẠI

PHUNG TRICH LUC

NHÂN CHỨNG
NGUYỄN-QUỐC-NAM
NGUYỄN - HIỆP

QUI-NHƠN, Ngày 14 tháng 12 năm 72 m
CHỦ-TỊCH KHU-PHỐ TRUNG-HIỆC KIỂM-UY-VIÊN HỒ TỌC



Naorinh
Vân thành Ngạc

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Số IV, 258.870.

Tỉnh (Thị xã) QUI-NHƠN

Quận NHƠN-BÌNH

Xã (Phường) TRUNG-NHIÊN

Số hiệu 07

Trích - Lục Bộ Khai Sanh

Lập ngày 07 tháng 01 năm 19 74



Tên họ đứa trẻ :	NGUYỄN THỊ HỒNG-HẠNH
Con trai hay con gái :	Gái
Ngày sanh :	Ba mươi tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba (30.12.1973)
Nơi sanh :	Phường Trung-Niên, quận Nhơn-Bình, Thị xã Qui-Nhơn.
Tên họ người cha :	Nguyễn Bá Thước
Tên họ người mẹ :	Trương Thị Minh-Huệ
Vợ chánh hay không có hôn thú :	Có hôn thú.
Tên họ người đứng khai :	Nguyễn Bá Thước.

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

TRUNG-NHIÊN ngày 07 tháng 01 năm 19 74



Nguyễn Văn Thành

Số IV: 258.870

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT 2/P3

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xã, Thị trấn: Ngô Mây
Thị xã, Huyện: Qui Nhơn
Thành phố, Tỉnh: Nghĩa Bình

Số: 2290
Quyển số: _____

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	
Sinh ngày, tháng, năm	Ngày hai mươi ba, tháng mười một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu (23 - 11 - 1976)	
Nơi sinh	46 Trần thị Kỳ, Qui Nhơn, Nghĩa Bình	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi, Choặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn bá Thu 38 tuổi	Trương thị Minh Huệ 31 tuổi
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	Công nhân 46 Trần thị Kỳ, Qui Nhơn	Giáo viên 46 Trần thị Kỳ, Qui Nhơn
Họ tên, tuổi, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, số giấy chứng minh hoặc chứng nhận căn cước của người đứng khai	Nguyễn bá Thu 38 tuổi nghề nghiệp công nhân, hiện thường trú tại 46 Trần thị Kỳ, phường Ngô Mây, Qui Nhơn, Nghĩa Bình .	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 9 tháng 5 năm 1988

TM. UBND phường Ngô Mây

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



KIỂM TRƯỞNG TỊCH
CHỦ CHỨC TỊCH

Nguyễn Phan

HUYỀN CHÍ CƯỜNG



Đăng ký ngày 8 tháng 12 năm 1986

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Nguyễn Phan
(đã ký và đóng dấu)

Số : 40 /QB-TV

Quy Nhơn, ngày 26 tháng 10 năm 1987

IV. 258.870

QUYẾT ĐỊNH CHO THÔI VIỆC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Căn cứ chỉ thị 33/QT-TV ngày 16/1/1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc bảo vệ Đảng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ.
- Căn cứ quyết định số 562/QĐ-UB ngày 1/10/1979 của UBND tỉnh Nghĩa Bình qui định : chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của UBND các huyện, thị xã trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ.
- Căn cứ biên bản xét kỷ luật ngày 11/10/1987 của Hội đồng kỷ luật thành phố Quy Nhơn về việc xử lý các giáo viên không đủ tiêu chuẩn chính trị.
- Theo đề nghị của Trưởng ban TCCQ thành phố Quy Nhơn.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. - Nay cô Trương thị Minh Huệ là giáo viên cấp I lưu dụng ngày 30/4/1975, có hộ khẩu thường trú 46 Trần thị Kỳ - Quy Nhơn (phường Ngô Mây) đang công tác : Giáo viên cấp I trường P.T.C.S Ngô Mây. Thôi việc về địa phương kể từ ngày 1/11/1987. Với lý do : trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ gia đình cô Trương thị Minh Huệ có nhiều người làm tay sai đặc lực cho địch, gây nhiều祸 máu với nhân dân, bị bị Cách mạng xử trị 3 người. Chồng là giáo viên trung úy biệt phái đã bị vượt biên năm 1982 bị Cách mạng bắt cải tạo ở nước ngoài.

Ngày 11/10/1987 Hội đồng kỷ luật thành phố đã họp xét hiện thực kỷ luật cho cô Trương thị Minh Huệ thôi việc hưởng chế độ I lần (vì hoàn cảnh gia đình kinh tế gặp khó khăn.).

Điều 2. - Cô Trương thị Minh Huệ được hưởng chế độ I lần bằng tháng 1. tháng lương (kể cả các khoản phụ cấp khác (nếu có) và được cấp lương thực theo chế độ hiện hành.

Khi về địa phương phải tham gia đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi của người công dân và chịu sự quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương kể từ ngày thôi việc.

Điều 3. - Các ông Trưởng ban TCCQ thành phố, Trưởng ban giáo dục thành phố, Chủ tịch UBND phường Ngô Mây, các cơ quan có liên quan về cô Trương thị Minh Huệ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. //

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

CHỦ TỊCH

(ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN KHOT

SAO Y KHOA THẨM ĐÁN
SAO Y ĐÀN CHỈNH ĐÁN

Quy Nhơn, ngày 26 tháng 10 năm 1987
UBND THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(họ o chữ ký bản sao)

ỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DỊNH

QUẬN TUY-PHƯỚC

XÃ PHƯỚC-SƠN

Số hiệu 21

*

TRÍCH LỤC

Chứng thư Hôn-thú

Tên họ người chồng NGUYỄN-BÁ-THỦ

Nghề nghiệp Giáo-viên

Sinh ngày 7 tháng 8 năm 1938

Tại Xã Cát-chấn, quận Phú-cát, tỉnh Bình-dịnh.

Cư sở tại Ấp Dương-thiện, xã Phước-sơn, Tuy-phước, Bình-dịnh.

Tạm trú tại Dương-thiện, Phước-sơn, Tuy-phước, Bình-dịnh.

Tên họ cha chồng Nguyễn-bá-Điệp (chết)

(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Bùi-thị-Tuân

(sống chết phải nói)

Tên họ người vợ TRƯƠNG-THỊ-MINH-HUỖ

Nghề nghiệp Học-sinh

Sinh ngày 19 tháng 8 năm 1945

Tại thôn Tân-giang, xã Phước-hòa, quận Tuy-phước, tỉnh Bình-dịnh

Cư sở tại Tân-giang, Phước-hòa, Tuy-phước, Bình-dịnh.

Tạm trú tại Tân-giang, Phước-hòa, Tuy-phước, Bình-dịnh.

Tên họ cha vợ Trương-văn-Hiện (chết)

(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Trần-Thị Khiêu

(sống chết phải nói)

Ngày cưới Mười tám tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu bốn.

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

ngày tháng năm

Tại

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

ngày 18 tháng 7 năm 1964

Phước-sơn

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

(Ký-tên đóng Dấu)

HUYNH-THANH

Trưởng Ủy ban Chứng cứ

Sở Văn Phòng

21 tháng 2 năm 1966

Trưởng

Trần-Minh-Xuân

Phó trưởng

Nhà Sách Thi-Dại Qui Nhơn

PHUNG TRÍCH-LỤC

Phước-sơn ngày 18 tháng 7 năm 1966

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH





Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

NGUYEN BA THU (10)

Reference: IV 258870

Dear Sir/Madam:

We have received your application and have opened a file for you. Your file (IV) number is listed above. Please mark this number on all documents and correspondence you send to us.

The following is a list of documents which are needed to complete our file. Before your case can be considered further, we must have these documents.

Family Documents

- A copy of your birth certificate and the birth certificates of each member of your family.
- A copy of your marriage certificate (if there was a previous marriage we will also need, as appropriate, a death certificate or divorce decree to show the marriage was legally terminated).
- A copy of each person's Vietnamese ID card.
- A photo of each person.

Employment Documents

- Photocopies of papers that show you worked for the U.S. Government or a U.S. organization. Papers that show you worked closely with U.S. officials or U.S. programs while working for the Vietnamese Government or serving in the Vietnamese Military before April 30, 1975. Papers that show you went to school or had training in the U.S. or in another country under U.S. sponsorship.

These papers could be personnel actions, payroll slips, certificates, diplomas, ID cards, travel orders, and the like. Also send the names of American supervisors or advisors, as well as copies of any letters you may have received from them.

- If you or a member of your family had been in re-education, send a copy of the release certificate.
- If you have a close relative in the United States or in another country send us the name and address of that relative, and tell us how the person is related to you.

NOTE: Your legal spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you to the United States.

You should collect these documents and send them to us. If you have already submitted some of these documents, you may wish to forward copies of them again to ensure that the copies will be included in our file.

In addition to submitting the required documentation, you should apply for Exit Permits. We must stress the fact that even when our file is complete, it is still the decision of the Vietnamese authorities whether or not you will be permitted to depart. This office has no influence over decisions by the Vietnamese authorities regarding the issuance of Exit Permits. Therefore, all efforts to obtain Exit Permits must be made by you.

Please inform us of any change of address or telephone number, for either you or your relatives in the U.S., and always write the IV number (five or six digits) on your letter.

This letter is not being sent to you because we have already reviewed our file for you, but rather to inform you that we have established a case file and to tell you the IV file number. After you have submitted all the required documentation, we will then be able to complete our file. If any other information or documents are needed, we will contact you when we review the file. Please do not write to us unless it is to report a change of address, or to tell us you have obtained Exit Permits; in that case, send us the Exit Permit numbers.

Sincerely,

NA

Orderly Departure Program
127 Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở Chứng nhận đã chuyển đến ở

Từ ngày tháng năm Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở Chứng nhận đã chuyển đến ở

Từ ngày tháng năm Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

Số 150 CN

Họ và tên chủ hộ Bùi Thị Thuần
Số nhà 46
Ngõ, xóm, ấp, thôn, bản, đường phố Trần Văn Lý
Phường, xã, thị trấn Ngõ Mây
Quận, huyện, thị xã Quận Mân
Tỉnh, thành phố Nghệ An
Ngày 30 tháng 5 năm 1988

Trưởng Công an Ngõ Mây
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)
Thiếu úy PHAN VĂN BẢNG

Tập số:

Trang số:

Số EV: 258.870

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy C.M.N.D.	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ đăng ký nhân khẩu
1	Bà Thi TUÂN	Chủ hộ	nu ^c	01.5.1905	210038173		10.10.1976		
2	Đường Thị Minh HUỆ	Đầu	nu ^c	18.8.1945	210025825	GV. Trường cấp 1	10.10.1976		
3	Nguyễn Thị Huệ	Cháu	nam	20.4.1965	210913134	Chợ gạo	10.10.1976	18/9/79 ĐA Bàu Khu 1 PHEN	
4	Mẹ: Thị Huệ LINH	Cháu	nu ^c	09.5.1968	211096025	Chợ gạo	10.10.1976		
5	Mẹ: Thị Huệ LINH	Cháu	nu ^c	30.3.1969	211095670		10.10.1976		
6	Mẹ: Thị Huệ LOAN	Cháu	nu ^c	19.3.1970	211098205		10.10.1976		
7	Nguyễn Huệ HÙNG	Cháu	nam	15.8.1971	211090635		10.10.1976		
8	Mẹ: Thị Huệ YÊN	Cháu	nu ^c	15.12.1972	211112649		10.10.1976		
9	Mẹ: Thị Huệ HẠNH	Cháu	nu ^c	30.12.1973			10.10.1976		
10	Mẹ: Thị Huệ PHÚC	Cháu	nu ^c	23.11.1976			07.6.1977		
11	Nguyễn Thị THU	Còn	nam	1938	210030166		14.9.1987		

From: NGUYỄN BÁ THƯ
Số nhà 46 đường Trần thị kỷ
thành phố QUẢNG NHƠN
VIỆT NAM

SỐ IV 258.870

APR 30 1990

To: HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

Tại PO BOX 5435 ARLINGTON

VA 22.205-0835

Tel (

USA